

Số: 651/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 26 thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước và danh mục 97 thành phần hồ sơ phải số hóa của 25 thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Điều 20 Nghị quyết số 96/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục 26 thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang (*có Phụ lục 01 chi tiết kèm theo*).

2. Danh mục 97 thành phần hồ sơ phải số hoá của 25 thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (*có Phụ lục 02 chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Cập nhật, công khai Danh mục thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. **Thời gian hoàn thành trong 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định này.**

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng hồ sơ trình và hoàn thiện quy trình điện tử (nếu có); xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); cấu hình bắt buộc Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này. **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định này.**

c) Thực hiện việc số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tham mưu đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để các cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

b) Chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

c) Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc, hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

1. Thay thế 02 Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

- Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Bãi bỏ 09 thủ tục hành chính từ số thứ tự 01 đến 09 Mục I, Phần A Danh mục 36 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực đất đai; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Bãi bỏ 17 thủ tục hành chính, 63 thành phần hồ sơ thuộc lĩnh vực tài nguyên nước tại mục XI Phần A Danh mục 7.519 thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của 1.736 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP (Cục KSTTHC) (báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Phòng KT (đ/c Hòa);
- Lưu: VT, THCBKS^{Nhung}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC I
DANH MỤC 26 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 24 thủ tục							
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH: 06 thủ tục							
1	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	20 ngày làm việc ¹	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x
2	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước quy mô vừa và nhỏ	06 ngày làm việc ²	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x
3	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	12 ngày làm việc ³	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x

¹Cắt giảm thời gian giải quyết từ 23 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc

²Cắt giảm thời gian giải quyết từ 08 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc

³Cắt giảm thời gian giải quyết từ 14 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
4	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30 ngày ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	x	x
5	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30 ngày ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	x	x
6	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	21 ngày ngày làm việc ⁴	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG: 11 thủ tục								
1	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	39 ngày ngày làm việc ⁵	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ⁶ .	x	x

⁴Cắt giảm thời gian giải quyết từ 26 ngày làm việc xuống còn 21 ngày làm việc

⁵Cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày làm việc xuống còn 39 ngày làm việc

⁶Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
2	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	38 ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ⁷ .	x	x
3	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3 000 m ³ /ngày đêm	39 ngày làm việc ⁸	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ⁹ .	x	x
4	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3 000 m ³ /ngày đêm	38 ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ¹⁰ .	x	x
5	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	19 ngày làm việc ¹¹	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ¹² .	x	x

⁷Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

⁸Cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày làm việc xuống còn 39 ngày làm việc

⁹Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

¹⁰Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

¹¹Cắt giảm thời gian giải quyết từ 24 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc

¹²Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
6	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	15 ngày làm việc ¹³	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Cổng Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ¹⁴ .	x	x
7	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	08 ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Cổng Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ¹⁵ .	x	x
8	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	21 ngày làm việc ¹⁶	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Cổng Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ¹⁷ .	x	x
9	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	- 45 ngày làm việc (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước);	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Cổng Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ¹⁸ .	x	x

¹³Cắt giảm thời gian giải quyết từ 17 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc

¹⁴Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

¹⁵Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

¹⁶Cắt giảm thời gian giải quyết từ 26 ngày làm việc xuống còn 21 ngày làm việc

¹⁷Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

¹⁸Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
			- 38 ngày làm việc (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước)					
10	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	21 ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ¹⁹ .	x	x
11	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt	14 ngày làm việc (Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày làm việc)	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ²⁰ .	x	x

¹⁹Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

²⁰Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
III THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ: 06 thủ tục								
1	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024)	38 ngày làm việc ²¹	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x
2	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt	33 ngày làm việc ²²	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x
3	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	23 ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x
4	1.00824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	17 ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x

²¹Cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày làm việc xuống còn 38 ngày làm việc

²²Cắt giảm thời gian giải quyết từ 38 ngày làm việc xuống còn 33 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
5	2.004850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mọc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	49 ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	x	x
6	1.00740	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	56 ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường) 2. Trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x
IV THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ: 01 thủ tục								
1	1.011517	Đăng ký khai thác nước dưới đất				- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.		
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ (CẤP HUYỆN): 02 thủ tục								
1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	14 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x
2	1.001645	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	42 ngày làm việc	Gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo tài liệu, nội dung thông tin (theo khoản 3 Điều 3 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP) đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài nguyên và Môi trường	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	x	x

PHỤ LỤC II
DANH MỤC 98 THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ
THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 01/2023/TT-VPCP CỦA 25 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TUYÊN QUANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	TÊN TTHC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
I	CẤP TỈNH (91 thành phần hồ sơ của 23 TTHC)
1	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước
1	Đơn đề nghị tạm dừng hiệu lực giấy phép (Mẫu 11 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
2	Các tài liệu khác liên quan (nếu có)
3	Tờ trình đề nghị tạm dừng hiệu lực giấy phép
2	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
4	Đơn đề nghị trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Mẫu số 51 Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
5	Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối với trường hợp đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức)
6	Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
7	Quyết định chấp thuận trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Mẫu 55, Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
3	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch
8	Tờ khai đăng ký sử dụng mặt nước (Mẫu 16 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
9	Tờ khai đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan (Mẫu 17, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
10	Báo cáo thẩm định tờ khai đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch
11	Tờ trình đề nghị đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch
4	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất
12	Văn bản đề nghị cho ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất;
13	Phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất
14	Sơ đồ, bản vẽ công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất
15	Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác có liên quan của dự án (nếu có)
16	Văn bản cho ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất

STT	TÊN TTHC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA	
5	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	
17	Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất bao gồm (nội dung mô tả kết quả vận hành thử nghiệm; đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về lượng nước, chất lượng nước bổ sung nhân tạo)	
18	Văn bản cho ý kiến đối với kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất và việc đáp ứng yêu cầu để vận hành chính thức	
6	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	
19	Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Mẫu 57 Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)	
20	Các tài liệu để chứng minh	
21	Tờ trình đề nghị phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
7	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3 000 m³/ngày đêm	
22	Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 01 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)	
23	Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200m ³ /ngày đêm trở lên (Mẫu 35, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)	
24	Thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m ³ /ngày đêm (Mẫu 36, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)	
25	Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất	
26	Tờ trình đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất	
8	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3000m³/ngày đêm	
27	Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép (Mẫu 02 Phụ lục I Nghị định số 52/2024/NĐ-CP)	
28	Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép (Mẫu 37 Phụ lục I Nghị định số 52/2024/NĐ-CP)	
29	Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất	
30	Tờ trình đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất	
9	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3000m³/ngày đêm	
31	Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 03 Phụ lục I Nghị định số 52/2024/NĐ-CP)	
32	Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất	
33	Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m ³ /ngày đêm trở lên (Mẫu 38, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP) hoặc báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m ³ /ngày đêm trong trường hợp chưa có công trình khai thác (Mẫu 39, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP); báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động (Mẫu 40, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)	

STT	TÊN TTHC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA	
	34	Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước
	35	Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất
	36	Tờ trình đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất
	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3000m³/ngày đêm	
10	37	Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép (Mẫu 04 Phụ lục I Nghị định số 52/2024/NĐ-CP)
	38	Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện giấy phép (Mẫu 41, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	39	Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất (trừ trường hợp gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất)
	40	Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất
	41	Tờ trình đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất
	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	
11	42	Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất (Mẫu 49, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	43	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật
	44	Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (Mẫu 52, Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	45	Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
	46	Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	
12	47	Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép (Mẫu 50, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	48	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật.
	49	Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (Mẫu 52 Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	50	Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
	51	Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (gia hạn/điều chỉnh)

STT	TÊN TTHC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA	
13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	
	52	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép (Mẫu 51 Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	53	Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối với trường hợp đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức)
	54	Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
	55	Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (cấp lại)
14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	
	56	Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Mẫu 57 Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	57	Các tài liệu để chứng minh
	58	Tờ trình đề nghị phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
15	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	
	59	Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Mẫu 57 Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	60	Các tài liệu để chứng minh
	61	Tờ trình đề nghị phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
16	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
	62	Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Mẫu 57 Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	63	Các tài liệu để chứng minh
	64	Tờ trình đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
17	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt	
	65	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước mặt (Mẫu 15 Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	66	Tờ trình đề nghị đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt
18	Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024)	
	67	Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 05, Mẫu 07 Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	68	Đề án khai thác nước (Mẫu 42 (đối với trường hợp công trình chưa khai thác nước); Mẫu 43 (đối với trường hợp công trình đã khai thác nước); Mẫu 44 (đối với trường hợp công trình thủy lợi gồm: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống thủy lợi,... vận hành trước năm 2013) Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP).
	69	Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước
	70	Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước
	71	Hồ sơ lấy ý kiến và văn bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến cộng đồng (đối với trường hợp phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)

STT	TÊN TTHC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
	72 Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác nước mặt
	73 Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép khai thác nước mặt
19	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt
	74 Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép (Mẫu 06 Phụ lục I, Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	75 Đề án khai thác nước và tình hình thực hiện giấy phép (Mẫu 45 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	76 Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước (trừ trường hợp gia hạn giấy phép khai thác nước mặt)
	77 Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép Giấy phép khai thác nước mặt
	78 Tờ trình đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép Giấy phép khai thác nước mặt
20	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước
	79 Đơn đề nghị trả lại giấy phép (Mẫu 10 Phụ lục I, Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	80 Tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và các nghĩa vụ khác có liên quan (nếu có)
	81 Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước
	82 Tờ trình đề nghị trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước
21	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước
	83 Đơn đề nghị cấp lại giấy phép (Mẫu 09 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	84 Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối với trường hợp đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức)
	85 Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (Mẫu 20, Mẫu 22, Mẫu 24 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
22	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện
	86 Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện
	87 Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện (nội dung phương án theo quy định khoản 3 Điều 28 Nghị định 53/2024/NĐ-CP)
	88 Văn bản góp ý Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện của các cơ quan có liên quan
	89 Tờ trình đề nghị phê duyệt Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện
23	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
	90 Văn bản lấy ý kiến kèm theo tài liệu, nội dung thông tin (theo khoản 3 Điều 3 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	91 Biên bản làm việc, cuộc họp hoặc văn bản lấy ý kiến
	92 Văn bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	TÊN TTHC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA	
B	CẤP HUYỆN (06 thành phần hồ sơ của 02 TTHC)	
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	
	1	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m ³ /ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình) (Mẫu 13 phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	2	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ) (Mẫu 14 phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	3	Xác nhận tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất
2	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	
	4	Văn bản lấy ý kiến kèm theo tài liệu, nội dung thông tin (theo khoản 3 Điều 3 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)
	5	Biên bản làm việc, cuộc họp hoặc văn bản lấy ý kiến
	6	Văn bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan trình Ủy ban nhân dân huyện/thành phố